

Số: /BC-UBND

Châu Thành, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

Thực hiện Kế hoạch số 14/KH-HĐND, ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân Huyện về việc tổ chức kỳ họp thứ mười một, Hội đồng nhân dân Huyện khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021; Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2020 như sau:

Phần 1

CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2020

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của UBND cấp Huyện

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018; Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN 2018; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 -2021”; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Chỉ thị 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 04/11/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Châu Thành về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện công khai minh bạch các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, trong đó tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý tài chính, thuế, y tế, giáo dục, chế độ, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, các chính sách nhân

đạo, phúc lợi xã hội, bao gồm lĩnh vực tư pháp.

Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng được các cấp ủy Đảng, chính quyền chú trọng chỉ đạo thực hiện. Qua đó cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của cơ quan để phòng ngừa tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, UBND Huyện ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 18/02/2020 về thực hiện phòng, chống tham nhũng năm 2020 trên địa bàn Huyện.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện tốt, mang lại hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

Trong năm không phát sinh.

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

Tiếp tục triển khai cụ thể hóa Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, duy trì thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong đơn vị thực hiện “phương châm 6 biết”; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý sử dụng biên chế, kinh phí của các cơ quan đơn vị, thực hiện hiện đại hóa nền hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; dịch vụ bưu chính,...

đ) Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng:

Thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTN 2018, UBND Huyện ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 03/02/2020 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2020 trên địa bàn Huyện, kết quả đã chuyển đổi 9/9 cán bộ, công chức.

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Huyện đang tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

g) *Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:*

Chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

h) *Việc thực hiện cải cách hành chính:*

Giải quyết hồ sơ khiếu nại, tố cáo đúng luật định, không để quá hạn.

i) *Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:*

Huyện đang áp dụng và duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước. Thường xuyên rà soát, đề xuất giảm bớt thủ tục hành chính không còn phù hợp đã rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở một vài lĩnh vực trên địa bàn Huyện.

k) *Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:*

Đã thực hiện trả lương qua thẻ ATM trên toàn huyện.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp Huyện:*

Trong kỳ chưa phát hiện hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức.

b) *Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra:*

UBND Huyện đã chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát Điều tra 01 vụ để làm rõ hành vi phạm tội của các cá nhân.

c) *Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo:*

Chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

d) *Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của cấp mình:*

Qua điều tra, truy tố, xét xử chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Trong năm, đã tổ chức kiểm tra 04 cuộc: 02 xã, 01 phòng và Ban Tiếp công dân Huyện. Qua đó đã kiến nghị chấn chỉnh công tác phòng, chống tham nhũng.

5. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện và các tổ chức thành viên đã tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trong đó có việc tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

Tệ nạn tham nhũng diễn biến khó lường, vẫn còn tình trạng tham nhũng vặt trong giải quyết thủ tục hành chính. UBND Huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo từ đó tệ tham nhũng từng bước được đẩy lùi.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng là một nhiệm vụ chính trị quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài nên được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, các giải pháp đấu tranh chống tham nhũng chưa thực sự hiệu quả, chủ yếu là thực hiện các bước phòng ngừa. Nguyên nhân do cơ chế, chính sách còn chồng chéo, bất cập dễ bị lợi dụng để tham nhũng.

Phần 2

KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VỀ THTK, CLP

1. Về công tác xây dựng văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện:

Thực hiện chỉ đạo của UBND Tỉnh về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND Huyện đã ban hành Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 04/3/2020 về việc thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 28/12/2016 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU của Ban chấp hành Đảng bộ Huyện khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2016-2020 và các văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện về THTK, CLP khác¹.

2. Về công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến

Trên cơ sở kế hoạch ban hành, UBND Huyện đã chỉ đạo cho Thủ trưởng các

¹ Công văn số 57/UBND-TH ngày 8 tháng 01 năm 2020 chỉ đạo cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh; Công văn số 1366/UBND-KT ngày 27/4/2020 thực hiện các giải pháp điều hành dự toán thu, chi NSNN năm 2020 do bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

cơ quan, địa phương tiếp tục tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương của Đảng có liên quan đến THPT, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị quán triệt, tập huấn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thống nhất hành động của từng cấp, từng ngành và mỗi cán bộ, công chức, viên chức và công dân. Cụ thể là tiếp tục tăng thời lượng và nội dung thông tin tuyên truyền trên sóng phát thanh, trang tin địa phương, Feabook, cổng thông tin điện tử của Huyện và các chương trình thông tin lưu động về THPT, CLP.

Trong tuyên truyền còn lồng ghép với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” theo chủ đề năm 2020 gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, sử dụng đất đai, sử dụng thời gian.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ THPT, CLP

1. Về công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quản lý, sử dụng ngân sách

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020 thực hiện đúng theo trình tự, thời gian, định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo công khai minh bạch. Thực hiện thẩm định dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị đều thực hiện đúng theo tiêu chuẩn, định mức nhà nước quy định, qua đó trong thẩm định đã cắt giảm dự toán tiết kiệm được cho NSNN số tiền hơn 3.500 triệu đồng.

Về quản lý, sử dụng NSNN nhìn chung các đơn vị thực hiện đúng theo dự toán được giao; đồng thời những nội dung chi tiêu đều thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu hiện hành; đặc biệt đối những khoản chi mua sắm, chi hội nghị, chi tiếp khách, chi cho các hoạt động lễ hội, lễ kỷ niệm, đón nhận huân chương, danh hiệu thi đua, chi đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB),... được kiểm soát chi chặt chẽ, đúng định mức, tiêu chuẩn quy định, hạn chế những nội dung chi chưa thật cần thiết để tiết kiệm và chống lãng phí tiền của NSNN.

Ngoài việc tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương (CCTL) thì UBND Huyện giao chỉ tiêu phân đầu tiết kiệm trong năm 2020 tối thiểu 12% các khoản kinh phí chi như: hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, tiếp khách, công tác phí, trang trí khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm, xăng xe, điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, đặt báo, tạp chí,... tạm giữ lại thêm 10% chi thường xuyên các tháng cuối năm theo chỉ đạo của Bộ Tài chính.

Hiện tại, trên toàn Huyện có 29/29 đơn vị hành chính (*trong đó có 12 đơn vị QLNN, 05 tổ chức đoàn thể và 12 xã, thị trấn*) thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ và 53 đơn vị sự

nghiệp² (trong đó, có 47 điểm trường học và 06 đơn vị ngành Huyện) thực hiện theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Các đơn vị được giao quyền tự chủ đều có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; xây dựng các định mức chi và nội dung chi trong quy chế đều thực hiện từ bằng đến thấp hơn so với quy định hiện hành, phần lớn trong Quy chế chi tiêu nội bộ đều có đặt ra chỉ tiêu phân đầu thực hiện tiết kiệm nguồn kinh phí hoạt động được giao tự chủ từ 10% trở lên và còn tiết kiệm được kinh phí hoạt động được giao với tổng số tiền hơn 800 triệu đồng để chi thu nhập tăng thêm cho người lao động (tính đến 30/10/2020).

Về đầu tư xây dựng cơ bản đến thời điểm báo cáo, tổng kinh phí thực hiện tiết kiệm được trong chi đầu tư xây dựng là hơn 9.657 triệu đồng³ và đối với chỉ định thầu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng có sử dụng vốn NSNN đều thực hiện giảm giá theo tỉ lệ tối thiểu từ 3% đến 10% theo Công văn số 47/UBND-KTN ngày 30/01/2019 của UBND Tỉnh.

Ngoài ra, UBND Huyện đã thực hiện việc khoán định mức hỗ trợ đối ứng xây dựng công trình cầu giao thông nông thôn từ nguồn ngân sách Huyện cho các xã, thị trấn khi thực hiện xây dựng công trình cầu giao thông nông thôn nhằm để tiết kiệm ngân sách⁴.

2. Đối với mua sắm, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, phương tiện và tài sản công

- Về mua sắm tài sản cố định: kinh phí mua sắm tài sản giao trong dự toán đầu năm cho các cơ quan, đơn vị với chủ yếu là mua sắm bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, máy chiếu, trang thiết bị chuyên dụng,... để phục vụ cho công tác văn phòng và hoạt động chuyên môn. Trong phân bổ kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng cho cán bộ, công chức thực hiện đúng theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ đồng thời thực hiện việc mua sắm tài sản tập trung đối với 05 loại máy móc, thiết bị theo danh mục Quyết định số 30/QĐ-UBND-HC ngày 11/12/2019 của UBND Tỉnh là máy vi tính các loại, máy chiếu, máy in, máy fax, máy photocopy⁵.

² Giảm 01 đơn vị ngành huyện (Trại giống tổng hợp) do đang tạm ngưng hoạt động nên trong năm 2020 không giao dự toán và giao quyền tự chủ.

³ Thẩm định 39 dự án, công trình, với tổng kinh phí đầu tư sau thẩm định là 30.933 triệu đồng/36.180 triệu đồng (giảm 5.247 triệu đồng) và trong tổ chức đấu thầu, đấu thầu qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng, chỉ định thầu là 57 gói thầu, với tổng giá trị được duyệt 109.267 triệu đồng, tổng giá trúng thầu 104.857 triệu đồng (giảm 4.410 triệu đồng) tỷ lệ giảm thầu trung bình 4% so với dự toán gói thầu.

⁴ Đối với cầu 3 nhịp: định mức khoán thấp nhất là 9,6 triệu đồng/mét và cao nhất là 15,6 triệu đồng/mét; Đối với cầu 5 nhịp: định mức khoán thấp nhất là 14 triệu đồng/mét và cao nhất là 21,5 triệu đồng/mét.

⁵ Năm 2020 có 35 đơn vị đăng ký mua sắm tài sản tập trung theo danh mục Quyết định số 30/QĐ-UBND-HC của UBND Tỉnh, với tổng dự toán mua sắm là 1.030 triệu đồng, giá trị mua sắm sau khi đấu giá là 1.011 triệu đồng, tiết kiệm là 18 triệu đồng.

- Về phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy): việc quản lý tài sản trên địa bàn thực hiện theo đúng quy định, hiện toàn Huyện có 02 xe ô tô, 01 xe chuyên dùng và 01 xe mô tô công (*trong đó: Văn phòng HĐND và UBND Huyện quản lý, sử dụng 02 xe ô tô; Ban Quản lý công trình công cộng quản lý 01 xe chuyên dùng và Phòng Văn hoá và Thông tin Huyện quản lý, sử dụng 01 xe mô tô*). Văn phòng HĐND và UBND Huyện thực hiện tốt Quy chế Chi tiêu nội bộ về việc khoán tiền nhiên liệu (*xăng xe ô tô*) đi công tác và đối tượng được sử dụng xe ô tô đúng theo quy định hiện hành.

- Đối với tài sản, trụ sở làm việc: tổng nguyên giá tài sản cố định (*bao gồm nhà, đất, tài sản khác*) của 91 đơn vị là 605.826 triệu đồng⁶.

- Về thanh lý công trình trên đất (không phải đất): đã tổ chức định giá thanh lý tài sản của 06 đơn vị, với tổng nguyên giá là 2.940 triệu đồng, giá trị còn lại theo sổ sách là 473 triệu đồng; giá trị bán thanh lý thu nộp ngân sách 220 triệu đồng.

- Về thanh lý tài sản (không phải nhà, đất, trụ sở làm việc): có 01 đơn vị thực hiện thanh lý tài sản với tổng nguyên giá 204 triệu đồng, theo sổ sách đã hết giá trị (*đơn vị tự thực hiện theo phân cấp quy định tại điểm đ, điều 8, Nghị quyết số 166/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND Tỉnh quy định về phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*) giá trị bán thanh lý thu nộp NSNN là 03 triệu đồng.

- Về điều chuyển tài sản (không phải nhà, đất, trụ sở làm việc): có 01 đơn vị thực hiện, với nguyên giá 7,8 triệu đồng, theo sổ sách đã hết giá trị.

- Đối với nhà cho thuê thuộc sở hữu Nhà nước: hiện tại đang quản lý và cho thuê 01 căn nhà thuộc sở hữu nhà nước, với tổng diện tích là 17,5m², tổng số tiền thu nộp NSNN là 0,787 triệu đồng/tháng.

3. Về quản lý, khai thác sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên

Thực hiện theo Quyết định số 17/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/02/2020 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020, UBND Huyện đã thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Huyện và tại trụ sở UBND các xã, thị trấn đúng theo quy định; giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu quản lý chặt chẽ các quy trình về thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất đúng kế hoạch đã được phê duyệt⁷.

⁶ Giá trị quyền sử dụng đất là 185.429 triệu đồng, nguyên giá tài sản là công trình trên đất là 322.180 triệu đồng và nguyên giá tài sản cố định là 98.217 triệu đồng.

⁷ Công văn số 523/UBND-KTN ngày 27/02/2020 về công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh, trong đó phải tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Châu Thành tại Trụ sở Ủy ban nhân dân Huyện, trên cổng thông tin điện tử huyện Châu Thành, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Huyện, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện và tại trụ sở UBND các Xã, Thị trấn theo đúng quy định.

Tiếp tục triển khai Phương án khai thác đất công do nhà nước quản lý trên địa bàn Huyện để tăng cường quản lý đất công; khai thác tiềm năng đất đai; đặc biệt quản lý chặt và có hiệu quả đất bãi bồi; đưa quỹ đất công vào sử dụng đúng mục đích và đúng quy định pháp luật đảm bảo phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của Huyện.

Về quản lý tài nguyên khoáng sản (cát sông), ngay từ đầu năm UBND Huyện đã ban hành Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 07/02/2020, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện phối hợp với Công an Huyện tổ chức tuyên truyền cho các chủ phương tiện khai thác, vận chuyển, kinh doanh mua bán cát nắm các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản; kiểm tra, lập biên bản, bắt giữ các phương tiện khai thác, vận chuyển, mua bán khoáng sản trái phép để tiến hành xử lý theo quy định pháp luật. Qua kết quả kiểm tra thường xuyên trong năm chưa phát hiện trường hợp vi phạm.

4. Về quản lý, sử dụng điện tại cơ quan và trong sinh hoạt

UBND Huyện giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng Huyện phối hợp với Điện lực Châu Thành, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện theo Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 400/UBND-KT ngày 15/6/2020 của UBND Tỉnh về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn Tỉnh; tham gia hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất năm 2020 bằng hành động thiết thực là tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết diễn ra từ 20h30 - 21h30 ngày 28/3/2020⁸. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 02/10/2018 của UBND Huyện về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thay thế đèn chiếu sáng công cộng bằng đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn Huyện (*trong năm 2020 đã thay thế và làm mới 45 bộ đèn chiếu sáng công cộng bằng đèn Led tiết kiệm điện*).

5. Về quản lý biên chế và sử dụng lao động

Trên cơ sở biên chế của UBND Tỉnh giao trong năm 2020, UBND Huyện đã thực hiện rà soát sắp xếp, điều chuyển cán bộ, công chức hành chính để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động có hiệu quả chống lãng phí nguồn nhân lực. Qua đó, UBND Huyện ban hành Quyết định giao biên chế năm 2020 cho từng đơn vị như: giao biên chế công chức hành chính cho 12 đơn vị trực thuộc UBND Huyện là 109 người (*giảm 02 biên chế so với năm 2019, giảm quỹ tiền lương và kinh phí hoạt động là 160 triệu đồng/năm*); khối Đoàn thể và Trung tâm Chính trị Huyện là 27 người (*giảm 02 biên chế so với năm 2019, giảm quỹ tiền lương và kinh phí hoạt động là 185 triệu đồng/năm*); giao số người làm việc

⁸ Theo Công văn số 891/UBND-KTN ngày 25/3/2020 của UBND Huyện về việc tổ chức hoạt động hưởng ứng chiến dịch Giờ trái đất năm 2020 (có 74 CNVCLĐ và 243 hộ gia đình CNVCLĐ và người thân người dân đăng ký tham gia, tiết kiệm được hơn 1.000 kWh).

trong các đơn vị sự nghiệp cấp Huyện là 52 người và số người làm việc của khối sự nghiệp giáo dục, dạy nghề là 1.520 người (*giảm 12 người so năm 2019 do chuyển chức năng giáo dục thường xuyên về trường THPT*) và số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định 68/200/NĐ-CP của Chính phủ làm việc trong các cơ quan ngành huyện là 10 người (*giảm 05 người so với năm 2019, giảm quỹ tiền lương là 228 triệu đồng/năm*)⁹. Ngoài ra, trong năm thực hiện xong việc sáp nhập các tổ chức Hội đặc thù cấp huyện nên đã giảm chi kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tiết kiệm số tiền hơn 1.400 triệu đồng¹⁰.

Đối với việc chấp hành giờ giấc làm việc thì UBND Huyện tiếp tục chỉ đạo, quán triệt cho cán bộ, công chức thực hiện nghiêm lễ lối làm việc, chấp hành nghiêm trong giờ làm việc hành chính và tuyệt đối không uống rượu, bia trong giờ hành chính và buổi trưa các ngày làm việc theo chỉ đạo của UBND Tỉnh và Huyện ủy¹¹.

6. Đối với công tác cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, nhất là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ theo từng giai đoạn phát triển; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; nhân rộng các mô hình sáng kiến trong cải cách hành chính¹². Tập trung thực hiện hiệu quả cải cách hành chính gắn với việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan trực thuộc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả đảm bảo sự hài lòng của tổ chức và cá nhân đối với sự phục vụ của chính quyền¹³.

⁹ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính năm 2020 (giảm 03 người như sau: Phòng Nông nghiệp- Phát triển nông thôn Huyện 01 người; Phòng Y tế Huyện 01 người và Văn phòng HĐND và UBND 01 người); Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 về việc phân bổ số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội có tính chất đặc thù và Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/200/NĐ-CP của huyện Châu Thành năm 2020 (tăng 75 người so với năm 2019 do UBND Tỉnh giao thêm số hợp đồng lao động theo Nghị định 68/200/NĐ-CP đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo).

¹⁰ Cấp huyện hiện nay chỉ còn 04 Hội được NSNN hỗ trợ là: Hội Chữ Thập đỏ, Hội Khuyến học, Hội Người Cao tuổi và Hội Luật gia; Cấp xã hiện nay chỉ còn 03 Hội được NSNN hỗ trợ là: Hội Chữ Thập đỏ, Hội Khuyến học, Hội Người Cao tuổi (theo Quyết định 1356/QĐ-UBND-HC ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp).

¹¹ Kế hoạch số 94-KH/HU ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ Huyện và Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 16/01/2013 của UBND Huyện về sửa đổi lễ lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Châu Thành; Công văn số 2017/UBND-KT ngày 11/7/2016 về việc chấp hành nghiêm trong giờ làm việc hành chính; Công văn số 3377/UBND-KT ngày 04/11/2016 về việc không uống rượu, bia trong giờ hành chính và buổi trưa các ngày làm việc; Công văn số 2404/UBND-KT ngày 19/7/2017 về việc chấp hành quy định giờ làm việc hành chính.

¹² Cụ thể là UBND Huyện đã ban hành Công văn số 2333/UBND-NC ngày 09/7/2020 chỉ đạo nhân rộng mô hình sáng kiến trong cải cách hành chính ở các xã trên địa bàn huyện năm 2020 (Mô hình “Tiếp nhận thủ tục hành chính tại ấp và trả kết quả tại nhà” của UBND xã An Nhơn và Mô hình xây dựng sổ tay “Hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3” của UBND xã An Phú Thuận).

¹³ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 07/01/2020 của UBND Huyện về việc cải cách hành chính huyện Châu Thành năm 2020; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của UBND Huyện về việc cải thiện chỉ số cải cách hành chính năm 2020.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc hành chính tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện thông qua triển khai phần mềm ứng dụng một cửa điện tử trong giải quyết thủ tục, hồ sơ hành chính; đồng thời triển khai ứng dụng tốt phần mềm iDesk trong giải quyết, xử lý văn bản. Hiện nay toàn Huyện đã thực hiện gửi văn bản qua hệ thống iDesk nên việc chuyển và tiếp nhận văn bản trên hệ thống trở nên nhanh hơn và hiệu quả hơn, đã tiết kiệm được rất nhiều thời gian và giấy in như các năm trước. Ngoài ra, đã triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước trên địa bàn Huyện, kết quả có 100% đơn vị có sử dụng NSNN tham gia thực hiện.

- Việc thực hiện chuyển đổi và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cũng được UBND Huyện chỉ đạo thực hiện cụ thể ngay từ đầu năm¹⁴.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

Trong năm 2020, UBND Huyện đã chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn thực hiện thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đúng theo quy định¹⁵. Qua kết quả thanh tra đã phát hiện sai phạm và kiến nghị thu hồi nợ NSNN với số tiền 906 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Nhìn chung năm 2020 hầu hết các cơ quan, đơn vị Huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác THTK, CLP theo chương trình kế hoạch đầu năm của UBND Huyện; đồng thời tổ chức triển khai, tuyên truyền công tác THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và quần chúng nhân dân. Qua đó đã góp phần ngăn chặn những hành vi lãng phí và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn NSNN.

- Kết quả THTK, CLP trên địa bàn Huyện có chuyển biến tích cực, nhất là trên lĩnh vực quản lý và sử dụng NSNN, tài sản, đất đai; các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Ngân sách trong tất cả các khâu từ lập, chấp hành và quyết toán NSNN; việc phân bổ dự toán chi NSNN cũng được thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành và có tiết kiệm NSNN.

- Các đơn vị được giao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đã thực hiện tốt cơ chế quản lý tài chính trong đơn vị

¹⁴ Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 11/5/2020 của UBND Huyện về việc duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan chuyên môn thuộc Hệ thống ISO của Ủy ban nhân dân Huyện năm 2020.

¹⁵ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2020, gồm 04 đơn vị: Ban quản lý Công trình công cộng, Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất, phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã An Phú Thuận; Công văn số 561/UBND-KT ngày 03/03/2020 phê duyệt kế hoạch kiểm tra tài chính, kế toán thường xuyên trong năm 2020 của Phòng Tài chính- Kế hoạch Huyện tại 07 đơn vị: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm Văn hóa- Thể thao và truyền thanh, Trường mầm non An Khánh, Trường Tiểu học Tân Phú Trung, Trường THCS Phú Hựu và UBND 02 xã An Nhơn, Tân Nhuận Đông.

mình; thực hiện nghiêm việc tinh giảm biên chế theo chỉ tiêu của UBND Tỉnh giao, tiết kiệm 10% chi thường xuyên giao trong dự toán đầu năm; công tác phân bổ, bố trí và cấp phát kinh phí theo dự toán cho các đơn vị được đảm bảo đúng thời gian, đáp ứng nhu cầu chi lương và hoạt động thường xuyên.

- Về chế độ hội họp của UBND Huyện và các xã, thị trấn thì các cuộc hội nghị, hội thảo và tổng kết, sơ kết theo chương trình, kế hoạch công tác đầu năm có số lượng người tham dự nhiều đều tổ chức lồng ghép hoặc tổ chức họp trực tuyến để giảm thời gian đi lại, và tiết kiệm kinh phí.

- Công tác quản lý đầu tư XDCCB và phân bổ vốn đầu tư được thực hiện theo đúng quy định đảm bảo cân đối ngân sách của địa phương.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Công tác xây dựng kế hoạch THPTK, CLP ở một số ít cơ quan, đơn vị còn chung chung, chưa bám sát với tình hình thực tế của đơn vị mình; trong Quy chế chi tiêu nội bộ chưa đưa ra các chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể để phân đầu thực hiện trong năm. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa có ý thức trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng phương tiện, tài sản của đơn vị.

- Một số đơn vị chưa chấp hành tốt quy định về chế độ thông tin báo cáo, nội dung báo cáo và số liệu báo cáo chưa đầy đủ còn chung chung, dẫn đến việc tổng hợp đánh giá chưa phản ánh đầy đủ các khoản kinh phí tiết kiệm được trong quá trình sử dụng ngân sách; chưa thực hiện tốt việc công khai tài chính ngân sách, tài sản, đầu tư XDCCB tại đơn vị.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về công tác THPTK, CLP chưa thường xuyên, kịp thời, đầy đủ so với yêu cầu thực tế.

- Việc giám sát của Ban thanh tra nhân dân tại một số cơ quan, đơn vị về THPTK, CLP trong sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn NSNN và chấp hành chính sách, chế độ quản lý tài chính, tài sản chưa phát huy được hiệu quả.

Phần 3

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện pháp Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện các qui định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản thu

nhập của cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng nhất là tham nhũng vặt.

- Chỉ đạo Thủ trưởng các ngành Huyện, Chủ tịch UBND xã, thị trấn thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng theo quy định của pháp luật.

- Các ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc công khai tài sản theo quy định, xây dựng kế hoạch thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chấp hành thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng; tham gia tốt việc cung cấp thông tin, phục vụ kịp thời theo sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và việc xây dựng cơ sở dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng

II. VỀ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM CHỐNG LÃNG PHÍ

- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, phổ biến và quán triệt Luật THTK, CLP nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong thực hiện THTK, CLP, tạo chuyển biến mạnh mẽ để từng bước xây dựng bộ máy hành chính Nhà nước trong sạch vững mạnh.

- Tập trung thực hiện nghiêm chủ trương THTK, CLP trong quản lý chi thường xuyên, quản lý đầu tư xây dựng; quản lý sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, tài sản công; quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; quản lý sử dụng điện năng; công tác đào tạo, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động; công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp. Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế và sáp nhập các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn Huyện theo lộ trình. Các cơ quan, địa phương thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể và công khai, minh bạch theo đúng quy định hiện hành.

- Rà soát, kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Huyện để có phương án sửa đổi và chấn chỉnh ngay các quy định về thủ tục, thời gian giải quyết để tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại cho người dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm việc chấp hành giờ giấc làm việc hành chính của các cơ quan, đơn vị và cá nhân, đồng thời tiếp tục thực hiện cải tiến lề lối làm việc, không uống rượu, bia trong giờ hành chính và buổi trưa các ngày làm việc; nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính và văn hóa công sở, văn hoá giao tiếp của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khuyến khích tích cực tham gia các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới và các phong trào đền ơn đáp nghĩa.

- Chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ngành Huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn rà soát, kiểm tra công tác giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của đơn vị mình để có phương án sửa đổi và chấn chỉnh để tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại cho các tổ chức, người dân; chấn chỉnh và chấp hành nghiêm chế độ thông tin báo cáo về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đúng theo quy định.

- Kịp thời biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác THTK, CLP và nhân rộng các mô hình làm hay, hiệu quả. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, kiểm tra nhằm phát hiện các hành vi gây lãng phí để kịp thời xử lý theo đúng quy định của pháp luật và ngăn chặn các hậu quả do hành vi tiêu cực, lãng phí gây ra.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND Huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng, CVNC;
- Lưu VT, NC_(Đoàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Tấn Xiếu

Phụ lục I
KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2020
của UBND huyện Châu Thành)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG			
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	21
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	21
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	9
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	16
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG			
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG			
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	
	<i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
57	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng	Người	
58	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng	Người	
59	Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định tại Nghị định số 90/2013/NĐ-CP	Đơn	
60	Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình	Đơn	
61	Số đơn yêu cầu đã được giải trình	Đơn	

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/ 2020 của UBND huyện Châu Thành)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN	-						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	4.904	0	3.500	71%	0%	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	9.328	10.486	10.486	112%	100%	Tiết kiệm thực hiện CCTL
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	-						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	-						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	1.094	3.083	802	73%	26%	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	5	4	4	80%	100%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0	0%	0%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	1	1	0%	100%	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	5.271	0	5.247	100%	0%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	7.543	0	4.410	58%	0%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0	0%	0%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	25	0	0	0%	0%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	4	0	0	0%	0%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	8	0	0	0%	0%	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	10	11	8	80%	73%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	10	11	8	80%	73%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	10	11	8	80%	73%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	1	0	3	0%	0%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	31,3	0	906,0	2895%	0%	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	31,3	0	906,0	2895%	0%	